

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

PHỤ LỤC HỆ THỐNG BIỂU, MẪU VĂN BẢN TRONG QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập,
 điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)*

(Tiếp theo Công báo số 715 + 716)

Phụ lục số 03:

Hệ thống biểu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố) ...
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước/kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
3	Biểu 03/CH	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
4	Biểu 04/CH	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
5	Biểu 05/CH	Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã của huyện (quận, thị xã, thành phố)...

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
6	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
7	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố) ...
8	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 20.... của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
9	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
10	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
11	Biểu 11/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
12	Biểu 12/CH	Chu chuyển đất đai trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 10 năm (20... - 20...) của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
13	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố)...

Biểu 01/CH

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 20...
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã ...	Xã ...	Xã ...	...
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD					
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN					
5	Đất khu kinh tế*	KKT					
6	Đất đô thị*	KDT					

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Biểu 02/CH

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
KỲ TRƯỚC/KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch/kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP				
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN				
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT				
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

Biểu 03/CT

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20...
CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
						Huyện ...	Huyện ...	Huyện ...	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+..+(..)	(7)	(8)	(9)	(..)
I	LOẠI ĐẤT								
1	Đất nông nghiệp	NNP							
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA							
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>							
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK							
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN							
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS							
1.8	Đất làm muối	LMU							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN							
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP							
2.2	Đất an ninh	CAN							
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất khu chế xuất	SKT							
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD							
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC							
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT							
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA							
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT							
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC							
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON							
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD							
3	Đất chưa sử dụng	CSD							
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN							
5	Đất khu kinh tế*	KKT							
6	Đất đô thị*	KDT							
II	KHU CHỨC NĂNG*								
1	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN							
2	Khu lâm nghiệp	KLN							
3	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT							
4	Khu phát triển công nghiệp	KPC							
5	Khu đô thị	DTC							
6	Khu thương mại - dịch vụ	KTM							
7	Khu dân cư nông thôn	DNT							

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Biểu 04/CH

**DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KỲ QUY HOẠCH
PHÂN BỐ ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ) ...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN					
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN					
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp						
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN					
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP					
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS					
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU					
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS					
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU					
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)					
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)					
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)					
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT					

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Biểu 05/CH

**DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRONG KỲ QUY HOẠCH
PHÂN BỐ ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã ...	Xã ...	Xã ...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					

Biểu 06/CH**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 20...
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD					
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN					
5	Đất khu kinh tế*	KKT					
6	Đất đô thị*	KDT					

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Biểu 07/CH**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 20....
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...***Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN					
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN					
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp						
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN					
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP					
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS					
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU					
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS					
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU					
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)					
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)					
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)					
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT					

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Biểu 08/CH**KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 20...
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					

Biểu 09/CH**KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 20...
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					

Biểu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 20...
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh						
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh						
	...						
	...						
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng						
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất						
	...						
	...						
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất						
	...						
	...						
1.2.3	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất						
	...						
	...						
2	Công trình, dự án cấp huyện						
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất						
	...						
	...						
2.2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						
	...						
	...						

Biểu 11/CH

**DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,**

STT	Loại đất	Mã	Khu vực chuyên trồng lúa nước		Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm		Khu vực rừng phòng hộ	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP						
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS						
1.8	Đất làm muối	LMU						
2	Đất nông nghiệp khác	NKH						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN						
2.1	Đất quốc phòng	CQP						
2.2	Đất an ninh	CAN						
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.4	Đất khu chế xuất	SKT						
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN						
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD						
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC						
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT						
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT						
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA						
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT						
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC						
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS						
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON						
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD						
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX						
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH						
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV						
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN						
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON						
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC						
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	Đất chưa sử dụng	CSD						

**ĐẤT CÁC KHU CHỨC NĂNG
THÀNH PHỐ)...**

[illegible]

**CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KỲ QUY HOẠCH
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,**

[illegible]

**SỬ DỤNG ĐẤT 10 NĂM (20...-20...)
THÀNH PHỐ)...**

Đơn vị tính: ha

[illegible]

**CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ
CỦA HUYỆN (QUÂN, THI XÃ,**

[illegible]

HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 20... THÀNH PHỐ)...

Đơn vị tính: ha

[illegible]

Phụ lục số 04:

Hệ thống biểu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/QP(AN)	Hiện trạng sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) năm 20...
2	Biểu 02/QP(AN)	Kết quả thực hiện quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ trước
3	Biểu 03/QP(AN)	Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) đến năm 20...
4	Biểu 04/QP(AN)	Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh)
5	Biểu 05/QP(AN)	Phân kỳ diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) giao lại cho địa phương
6	Biểu 06/QP(AN)	Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ đầu/kỳ cuối phân đến từng năm
7	Biểu 07/QP(AN)	Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ đầu/kỳ cuối phân theo vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính cấp tỉnh
8	Biểu 08/QP(AN)	Kế hoạch giao lại diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) cho địa phương phân đến từng năm
9	Biểu 09/QP(AN)	Danh mục công trình, dự án quốc phòng, an ninh thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc phòng/an ninh kỳ đầu/kỳ cuối

Biểu 01/QP(AN)

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH) NĂM 20....

STT	Loại đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích phân theo vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính cấp tỉnh (ha)					
				Vùng ...			Vùng ...		
				Tổng toàn vùng	Tỉnh ...	...	Tổng toàn vùng	Tỉnh ...	...
	Tổng diện tích								
1	Đất làm nơi đóng quân, trụ sở làm việc								
2	Đất xây dựng căn cứ quân sự								
3	Đất xây dựng công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và công trình đặc biệt về quốc phòng, an ninh								
4	Đất xây dựng ga, cảng quân sự								
5	Đất xây dựng công trình công nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh								
6	Đất xây dựng kho tàng của lực lượng vũ trang nhân dân								
7	Đất làm trường bắn, thao trường, bãi thử vũ khí, bãi hủy vũ khí								
8	Đất xây dựng cơ sở đào tạo, trung tâm huấn luyện, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân								
9	Đất xây dựng nhà công vụ của lực lượng vũ trang nhân dân								
10	Đất xây dựng cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý								

Biểu 02/QP(AN)**KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH/KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
QUỐC PHÒNG (AN NINH) KỲ TRƯỚC**

STT	Loại đất	Diện tích quy hoạch/ kế hoạch được duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100%
	Tổng diện tích				
1	Đất làm nơi đóng quân, trụ sở làm việc				
2	Đất xây dựng căn cứ quân sự				
3	Đất xây dựng công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và công trình đặc biệt về quốc phòng, an ninh				
4	Đất xây dựng ga, cảng quân sự				
5	Đất xây dựng công trình công nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh				
6	Đất xây dựng kho tàng của lực lượng vũ trang nhân dân				
7	Đất làm trường bắn, thao trường, bãi thử vũ khí, bãi hủy vũ khí				
8	Đất xây dựng cơ sở đào tạo, trung tâm huấn luyện, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân				
9	Đất xây dựng nhà công vụ của lực lượng vũ trang nhân dân				
10	Đất xây dựng cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý				

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH) ĐẾN NĂM 20...

[illegible]

Biểu 04/QP(AN)**PHÂN KỲ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)**

STT	Loại đất	Năm hiện trạng		Năm cuối kỳ kế hoạch			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Năm....		Năm....	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích						
1	Đất làm nơi đóng quân, trụ sở làm việc						
2	Đất xây dựng căn cứ quân sự						
3	Đất xây dựng công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và công trình đặc biệt về quốc phòng, an ninh						
4	Đất xây dựng ga, cảng quân sự						
5	Đất xây dựng công trình công nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh						
6	Đất xây dựng kho tàng của lực lượng vũ trang nhân dân						
7	Đất làm trường bắn, thao trường, bãi thử vũ khí, bãi hủy vũ khí						
8	Đất xây dựng cơ sở đào tạo, trung tâm huấn luyện, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân						
9	Đất xây dựng nhà công vụ của lực lượng vũ trang nhân dân						
10	Đất xây dựng cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý						

Biểu 05/QP(AN)

**PHÂN KỲ DIỆN TÍCH ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)
GIAO LẠI CHO ĐỊA PHƯƠNG**

STT	Loại đất	Cả thời kỳ	Các kỳ kế hoạch	
			Kỳ đầu (20...- 20...)	Kỳ cuối (20...- 20...)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)
	Tổng diện tích			
1	Đất làm nơi đóng quân, trụ sở làm việc			
2	Đất xây dựng căn cứ quân sự			
3	Đất xây dựng công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và công trình đặc biệt về quốc phòng, an ninh			
4	Đất xây dựng ga, cảng quân sự			
5	Đất xây dựng công trình công nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh			
6	Đất xây dựng kho tàng của lực lượng vũ trang nhân dân			
7	Đất làm trường bắn, thao trường, bãi thử vũ khí, bãi hủy vũ khí			
8	Đất xây dựng cơ sở đào tạo, trung tâm huấn luyện, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân			
9	Đất xây dựng nhà công vụ của lực lượng vũ trang nhân dân			
10	Đất xây dựng cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý			

Biểu 06/QP(AN)

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)
KỲ ĐẦU/CUỐI PHẦN ĐẾN TỪNG NĂM**

Đơn vị tính: ha

STT	Loại đất	Năm hiện trạng	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích						
1	Đất làm nơi đóng quân, trụ sở làm việc						
2	Đất xây dựng căn cứ quân sự						
3	Đất xây dựng công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và công trình đặc biệt về quốc phòng, an ninh						
4	Đất xây dựng ga, cảng quân sự						
5	Đất xây dựng công trình công nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh						
6	Đất xây dựng kho tàng của lực lượng vũ trang nhân dân						
7	Đất làm trường bắn, thao trường, bãi thử vũ khí, bãi hủy vũ khí						
8	Đất xây dựng cơ sở đào tạo, trung tâm huấn luyện, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân						
9	Đất xây dựng nhà công vụ của lực lượng vũ trang nhân dân						
10	Đất xây dựng cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý						

Biểu 08/QP(AN)**KẾ HOẠCH GIAO LẠI DIỆN TÍCH ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)
CHO ĐỊA PHƯƠNG PHÂN ĐẾN TỪNG NĂM**

STT	Loại đất	Tổng diện tích (ha)	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích						
1	Đất làm nơi đóng quân, trụ sở làm việc						
2	Đất xây dựng căn cứ quân sự						
3	Đất xây dựng công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và công trình đặc biệt về quốc phòng, an ninh						
4	Đất xây dựng ga, cảng quân sự						
5	Đất xây dựng công trình công nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh						
6	Đất xây dựng kho tàng của lực lượng vũ trang nhân dân						
7	Đất làm trường bắn, thao trường, bãi thử vũ khí, bãi hủy vũ khí						
8	Đất xây dựng cơ sở đào tạo, trung tâm huấn luyện, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân						
9	Đất xây dựng nhà công vụ của lực lượng vũ trang nhân dân						
10	Đất xây dựng cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý						

Biểu 09/QP(AN)

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUỐC PHÒNG (AN NINH) THỰC HIỆN
TRONG KỲ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (AN NINH)
KỲ ĐẦU/KỲ CUỐI**

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp tỉnh)	Năm thực hiện
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các công trình, dự án đã xác định					
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
....						
II	Các công trình, dự án khác					
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
...						

Phụ lục số 05:**Mẫu báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên mẫu
1	Mẫu 5.1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...)...
2	Mẫu 5.2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất... năm (20... - 20...)...
3	Mẫu 5.3. Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...)...
4	Mẫu 5.4. Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất... năm (20... - 20...) của tỉnh (thành phố)...
5	Mẫu 5.5. Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
6	Mẫu 5.6. Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện (quận, thị xã, thành phố)....
7	Mẫu 5.7. Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
8	Mẫu 5.8. Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ đầu (20... - 20...)
9	Mẫu 5.9. Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ cuối (20... - 20...).

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20... VÀ
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ ĐẦU (20... - 20...)
⁽¹⁾
.....

..., tháng... năm...

⁽¹⁾ Ghi “cấp quốc gia” hoặc ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20... VÀ
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ ĐẦU (20... - 20...)
.....⁽¹⁾.....

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ**Phần I****ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI****I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

1.1. Phân tích, đánh giá đặc điểm điều kiện tự nhiên:

1.1.1. Vị trí địa lý;

1.1.2. Địa hình, địa mạo;

1.1.3. Khí hậu;

1.1.4. Thủy văn.

1.2. Phân tích, đánh giá đặc điểm các nguồn tài nguyên:

1.2.1. Tài nguyên đất;

1.2.2. Tài nguyên nước;

1.2.3. Tài nguyên rừng;

1.2.4. Tài nguyên biển;

1.2.5. Tài nguyên khoáng sản;

1.2.6. Tài nguyên nhân văn.

1.3. Phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường.

1.4. Đánh giá chung.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

2.1. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực:

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp;

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp;

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.

2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.

(Tùy từng cấp lập quy hoạch sẽ đánh giá thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng tương ứng với cấp đó)

2.6. Đánh giá chung

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn.

3.2. Phân tích, đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.

Phần II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

1.3. Bài học kinh nghiệm.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước.

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất;

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất:

a) Cơ cấu sử dụng đất;

b) Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.

Phần III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KỲ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Quan điểm sử dụng đất.

1.3. Định hướng sử dụng đất.

Đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, xác định đến từng vùng kinh tế - xã hội, theo các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp, đất khu công nghiệp, đất khu kinh tế, đất đô thị, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia.

Đối với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, xác định định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội:

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế;

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng:

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia không có nội dung này).

2.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, xác định đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại điểm 2.2.1 và 2.2.2 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ quy hoạch).

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia không có nội dung này).

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.

3.3. Đánh tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

IV. PHÂN KỲ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Phân kỳ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thành 02 kỳ kế hoạch: kỳ đầu và kỳ cuối)

4.1. Phân kỳ diện tích các loại đất phân bổ cho các mục đích.

4.2. Phân kỳ diện tích đất chuyển mục đích sử dụng.

4.3. Phân kỳ diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

Phần IV

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ ĐẦU

I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG KỲ KẾ HOẠCH

1.1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế.

1.2. Các chỉ tiêu về dân số, lao động, việc làm.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ ĐẦU

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng đến từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia không có nội dung này).

2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, xác định đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.1.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ kế hoạch).

2.2. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất

(Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp).

2.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

(Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.4. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kỳ kế hoạch:

Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm.

(Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ và các công trình, dự án của cấp tỉnh)

Xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh theo từng năm (đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia không có nội dung này).

2.5. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kỳ kế hoạch

...

Phần V GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

...

II. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20... VÀ
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI (20... - 20...)
(⁽²⁾)
.....

..., tháng... năm...

⁽²⁾ Ghi “CẤP QUỐC GIA” hoặc ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN 20... VÀ
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI (20... - 20...)
.....⁽²⁾.....

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phần I

SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới.

Phần II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Quan điểm sử dụng đất.

1.3. Định hướng sử dụng đất

Đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, xác định đến từng vùng kinh tế - xã hội, theo các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp, đất khu công nghiệp, đất khu kinh tế, đất đô thị, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia.

Đối với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, xác định định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với điều chỉnh quy hoạch sử dụng

đất cấp quốc gia, xác định đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp quốc gia phân bổ và do cấp tỉnh xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ điều chỉnh quy hoạch).

2.4. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng *(đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia không có nội dung này).*

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

Phần IV KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI

(Nội dung các mục tương tự như lập kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu)

Phần V GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

II. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI (20... - 20...)
⁽³⁾
.....

..., tháng... năm...

⁽³⁾ Ghi “CẤP QUỐC GIA” hoặc ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không thực hiện đối với cấp huyện

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI (20... - 20...)
.....⁽²⁾.....

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN LẬP KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phần I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; khí hậu; thủy văn).

1.2. Phân tích, đánh giá các nguồn tài nguyên (tài nguyên đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác).

1.3. Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

2.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.

2.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Phân tích, đánh giá về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

Phần II

KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Khái quát về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

2.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và xu hướng sử dụng đất trong kỳ kế hoạch trước.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.

2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Phần III

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ CUỐI (20... - 20...)

I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG KỲ KẾ HOẠCH

- 1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
- 1.2. Các chỉ tiêu về dân số, lao động.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng đến từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia không có nội dung này).

2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định nhu cầu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, xác định đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.1.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp quốc gia phân bổ và do cấp tỉnh xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ kế hoạch).

2.2. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất

(Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

(Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.4. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kỳ kế hoạch

Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm (đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ và các công trình, dự án của cấp tỉnh).

Xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh theo từng năm (đối với quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia không có nội dung này).

2.5. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kỳ kế hoạch.

...

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

...

3.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

Mẫu 5.4/BC-ĐCKH

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT...
NĂM (20... - 20...) CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

..., tháng... năm...

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT...
NĂM (20... - 20...) CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Ngày... tháng... năm...
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)...
(Ký tên, đóng dấu)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT; BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất (*trong đó nêu cụ thể kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất*).

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Phần II

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (...)

I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế.

1.2. Khát quát các chỉ tiêu về xã hội.

II. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng đến từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện).

2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp huyện).

2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định nhu cầu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện).

2.1.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp quốc gia phân bổ và do cấp tỉnh xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ kế hoạch).

2.2. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất

(Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện).

2.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

(Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện).

2.4. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kỳ kế hoạch

Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm (bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ và các công trình, dự án của cấp tỉnh).

Xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh theo từng năm.

2.5. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kỳ kế hoạch.

...

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

...

3.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

Mẫu 5.5/BC-QH

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20...
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

..., tháng... năm...

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20...
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU
CỦA HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

Ngày... tháng... năm...
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG...
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phần I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý;

1.1.2. Địa hình, địa mạo;

1.1.3. Khí hậu;

1.1.4. Thủy văn.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất;

1.2.2. Tài nguyên nước;

1.2.3. Tài nguyên rừng;

1.2.4. Tài nguyên biển;

1.2.5. Tài nguyên khoáng sản;

1.2.6. Tài nguyên nhân văn.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.

1.4. Đánh giá chung.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp;

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp;

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.

2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.

2.6. Đánh giá chung.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn.

3.2. Phân tích, đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.

Phần II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước.

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất;

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a) Cơ cấu sử dụng đất;

b) Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.

Phần III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

- 1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
- 1.2. Quan điểm sử dụng đất.
- 2.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- 2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội
 - 2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế;
 - 2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.
- 2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng
 - 2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã)
 - 2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã).
 - 2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ và do cấp huyện, cấp xã xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ quy hoạch).
- 2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

- 3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- 3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.
- 3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng;

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc;

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

Phần IV

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ QUY HOẠCH

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT

1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh
(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực
(Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trên địa bàn cấp huyện trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

1.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất
(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện).

1.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân
(Xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn cấp huyện. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong năm kế hoạch).

1.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất
(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ, các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ quy hoạch).

II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI

Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

Xác định danh mục các công trình, dự án trong năm đầu của kỳ kế hoạch sử dụng đất *(bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của cấp huyện, cấp xã)*.

VI. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH

...

**Phần V
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN****I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

...

II. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20...
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

..., tháng... năm...

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20...
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

Ngày... tháng... năm...
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG....
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phần I

SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

Phần II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Quan điểm sử dụng đất.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

(Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ và do cấp huyện, cấp xã xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ quy hoạch).

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

Phần IV

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trên địa bàn cấp huyện trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

1.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện).

1.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

(Xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn cấp huyện. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong năm kế hoạch).

1.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ, các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong kỳ quy hoạch).

II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI

Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

Xác định Danh mục các công trình, dự án trong năm đầu của kỳ kế hoạch sử dụng đất.

(Bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của cấp huyện, cấp xã).

VI. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH

...

**Phần V
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN****I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

...

II. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM...
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

..., tháng... năm...

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM...
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

Ngày... tháng... năm...
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

1.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

1.1. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

1.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

(Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trên địa bàn cấp huyện trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện).

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

(Xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn cấp huyện. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong năm kế hoạch).

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

(Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực nêu tại điểm 2.1 và 2.2 trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

(Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã).

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

(Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã).

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

(Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã).

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch *(bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của cấp lập kế hoạch)*.

a) Các dự án quy định tại Điều 61 và Khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Các dự án quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại;

c) Vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm kế hoạch đã có chủ trương bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

...

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

...

4.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

BIỂU SỐ LIỆU

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)
ĐẾN NĂM 20... VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG
(ĐẤT AN NINH) KỲ ĐẦU (20... - 20...)

..., tháng... năm...

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)
ĐẾN NĂM 20... VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG
(ĐẤT AN NINH) KỲ ĐẦU (20... - 20...)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phần I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

- 1.1. Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên.
- 1.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.
- 1.3. Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường.
- 1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, ĐẤT AN NINH

- 2.1. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện quản lý nhà nước về đất quốc phòng (đất an ninh).
- 2.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh)
 - a) Phân tích hiện trạng sử dụng đất;
 - b) Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất.
- 2.3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ trước
 - a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước;
 - b) Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ trước;
 - c) Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh).

Phần II

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH

- 1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng (an ninh).
- 1.2. Xây dựng quan điểm sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh).
- 1.3. Xác định định hướng sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) đến từng vùng kinh tế - xã hội.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng (an ninh) trong kỳ quy hoạch.

2.2. Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh)

(Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) cho từng mục đích sử dụng quy định tại Điều 61 của Luật Đất đai trong kỳ quy hoạch phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia).

2.3. Cân đối và phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh)

(Phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

2.4. Vị trí, diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) để giao lại cho địa phương

(Xác định vị trí, diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) để giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội).

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

IV. PHÂN KỲ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Phân kỳ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thành 02 kỳ kế hoạch: kỳ đầu và kỳ cuối).

4.1. Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) trong mỗi kỳ kế hoạch

(Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng, an ninh trong mỗi kỳ kế hoạch sử dụng 05 năm theo phương án quy hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh)).

4.2. Cân đối, phân bổ quỹ đất trong phương án quy hoạch sử dụng đất

(Phân bổ quỹ đất trong phương án quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh cho từng kỳ kế hoạch 05 năm).

V. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ ĐẦU

5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng (an ninh).

5.2. Khu vực, diện tích đất sử dụng vào mục đích quốc phòng (an ninh)

(Xác định khu vực, diện tích đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh trong kỳ kế hoạch cụ thể đến từng năm và phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

5.3. Vị trí, diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) bàn giao lại cho địa phương

(Xác định vị trí, diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) bàn giao lại cho địa phương quản lý trong kỳ kế hoạch và phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

5.4. Diện tích các loại đất chuyển sang sử dụng vào mục đích quốc phòng (an ninh)

(Xác định diện tích các loại đất chuyển sang sử dụng vào mục đích quốc phòng (an ninh) trong kỳ kế hoạch và phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội, từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

5.5. Danh mục công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quốc phòng (an ninh)

(Xác định danh mục công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quốc phòng (an ninh) để thực hiện trong kỳ kế hoạch cụ thể đến từng năm).

Phần III **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

(Bìa 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)
KỲ CUỐI (20... - 20...)

..., tháng... năm...

(Bìa 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG (ĐẤT AN NINH)
KỲ CUỐI (20... - 20...)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN LẬP KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phần I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

- 1.1. Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên.
- 1.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.
- 1.3. Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường.
- 1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

2.1. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện quản lý nhà nước về đất quốc phòng (đất an ninh).

2.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh)

- a) Phân tích hiện trạng sử dụng đất;
- b) Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất.

2.3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ trước

- a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất kỳ trước;
- b) Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ trước;
- c) Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh).

Phần II

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng (an ninh) 05 năm kỳ cuối

II. Khu vực, diện tích đất sử dụng vào mục đích quốc phòng (an ninh)

(Xác định khu vực, diện tích đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh trong kỳ kế hoạch cụ thể đến từng năm và phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

III. Vị trí, diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) bàn giao lại cho địa phương

(Xác định vị trí, diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) bàn giao lại cho địa phương quản lý trong kỳ kế hoạch và phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

IV. Diện tích các loại đất chuyển sang sử dụng vào mục đích quốc phòng (an ninh)

(Xác định diện tích các loại đất chuyển sang sử dụng vào mục đích quốc phòng (an ninh) trong kỳ kế hoạch và phân bổ đến từng vùng kinh tế - xã hội, từng đơn vị hành chính cấp tỉnh).

V. Danh mục công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quốc phòng (an ninh)

(Xác định danh mục công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quốc phòng (an ninh) để thực hiện trong kỳ kế hoạch cụ thể đến từng năm).

Phần III**GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

...

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

Phụ lục số 06:**Mẫu tờ trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất***(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Tên mẫu
1	Mẫu 6.1/TTr-BTNMT: Tờ trình về quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...) cấp quốc gia.
2	Mẫu 6.2/TTr-BTNMT: Tờ trình về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...) cấp quốc gia.
3	Mẫu 6.3/TTr-BTNMT: Tờ trình về kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...) cấp quốc gia.
4	Mẫu 6.4/TTr-UBND: Tờ trình về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...) của tỉnh (thành phố)...
5	Mẫu 6.5/TTr-UBND: Tờ trình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...) của tỉnh (thành phố)...
6	Mẫu 6.6/TTr-UBND: Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...) của tỉnh (thành phố)...
7	Mẫu 6.7/TTr-UBND: Tờ trình về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất (20... - 20...) của tỉnh (thành phố)...
8	Mẫu 6.8/TTr-UBND: Tờ trình về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch huyện (quận, thị xã, thành phố)...
9	Mẫu 6.9/TTr-UBND: Tờ trình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện (quận, thị xã, thành phố)...
10	Mẫu 6.10/TTr-UBND: Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố)...
11	Mẫu 6.11/TTr-BQP(BCA): Tờ trình về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh kỳ đầu (20... - 20...)...
12	Mẫu 6.12/TTr-BQP(BCA): Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh kỳ cuối (20... - 20...)...

Mẫu số: 6.1/TTr-BTNMT**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH**Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và
kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...) cấp quốc gia**

Kính gửi: Chính phủ

Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...) cấp quốc gia với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm, căn cứ, phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...) cấp quốc gia

1.1. Quan điểm

1.2. Căn cứ

1.3. Phương pháp

2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất

2.1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất

2.2. Đánh giá biến động sử dụng đất

3. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

...

4. Định hướng sử dụng đất đến năm...; quy hoạch sử dụng đất đến năm... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu

4.1. Định hướng sử dụng đất đến năm...

4.2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm...

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽¹⁾	Hiện trạng năm...		Quy hoạch đến năm...	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

⁽¹⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất xác định theo Phụ lục số 01 của Thông tư này.

a) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Cả thời kỳ...	Các kỳ kế hoạch	
			Kỳ đầu (20... - 20...)	Kỳ cuối (20... - 20...)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)

b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Cả thời kỳ...	Các kỳ kế hoạch	
			Kỳ đầu (20... - 20...)	Kỳ cuối (20... - 20...)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)

4.3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu

a) Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm hiện trạng	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

b) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
			...	...	...	...	...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

c) Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
			...	...	...	...	...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

...

6. Những vấn đề xin ý kiến

...

7. Kiến nghị

...

Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ xem xét, báo cáo Quốc hội quy hoạch sử dụng đất đến năm... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu cấp quốc gia./.

Nơi nhận

...

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số: 6.2/TTr-BTNMT

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm... và
kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối cấp quốc gia**
(Thực hiện theo Mẫu số 6.1 ban hành kèm theo Thông tư này)

Mẫu số: 6.3/TTr-BTNMT**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**TỜ TRÌNH
Về kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối cấp quốc gia**

Kính gửi: Chính phủ

Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...) cấp quốc gia với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm, căn cứ, phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...) cấp quốc gia

1.1. Quan điểm

1.2. Căn cứ

1.3. Phương pháp

2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất

2.1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất

2.2. Đánh giá biến động sử dụng đất

3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

...

4. Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối

a) Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3) = (4)+(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

b) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

c) Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

5. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

...

6. Những vấn đề xin ý kiến

...

7. Kiến nghị

...

Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ xem xét, báo cáo Quốc hội kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối cấp quốc gia./.

Nơi nhận

...

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số 6.4/TTr-UBND**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../TTr-UBND

....., ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...
và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...) của tỉnh (thành phố)...**

Kính gửi: Chính phủ

Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (20... - 20...) của tỉnh (thành phố).... với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:*(Nêu các thành phần Hồ sơ theo Điều 4 của Thông tư này)***2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

...

3. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...:**3.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽²⁾	Hiện trạng năm...		Quy hoạch đến năm...			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp quốc gia phân bổ (ha)	Cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)+(6)	(8)

⁽²⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất xác định theo Phụ lục số 02 của Thông tư này.

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Cả thời kỳ...	Các kỳ kế hoạch	
			Kỳ đầu (20... - 20...)	Kỳ cuối (20... - 20...)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Cả thời kỳ...	Các kỳ kế hoạch	
			Kỳ đầu (20... - 20...)	Kỳ cuối (20... - 20...)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)

4.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

4.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

[illegible]

4.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
			...	...	...	...	...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

4.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
			...	...	...	...	...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... kính trình Chính phủ phê duyệt./.

Nơi nhận

- Như trên;

-...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mẫu số 6.5/TTr-UBND

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../TTr-UBND

....., ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...
và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...) của tỉnh (thành phố)...**
(Thực hiện theo Mẫu số 6.4 ban hành kèm theo Thông tư này)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Chính phủ

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

(Nêu các thành phần Hồ sơ theo Điều 4 của Thông tư này)

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

...

3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...)

3.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

[illegible]

3.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

3.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

...

Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... kính trình Chính phủ phê duyệt./.

Nơi nhận

- Như trên;

-...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mẫu 6.7/TTr-UBND**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../TTr-UBND

....., ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất (20... - 20...)
của tỉnh (thành phố)...***(Thực hiện theo Mẫu số 6.6 ban hành kèm theo Thông tư này)*

Mẫu số 6.8/TTr-UBND**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../TTr-UBND

....., ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...
và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện (quận, thị xã, thành phố)...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)...

Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện (quận, thị xã, thành phố)... với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:*(Nêu các thành phần Hồ sơ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này)***2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước****3. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...:****3.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽³⁾	Hiện trạng năm...		Quy hoạch đến năm...			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)+(6)	(8)

⁽³⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất xác định theo Phụ lục số 03 của Thông tư này.

3.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

5. Kế hoạch sử dụng đất năm.....

5.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

5.2. Kế hoạch thu hồi đất năm...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

5.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

5.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... phê duyệt./.

Nơi nhận

- Như trên;

-...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mẫu số 6.9/TTr-UBND

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ)...**

Số:../TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 20...
và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch
huyện (quận, thị xã, thành phố)...**

(Thực hiện theo Mẫu số 6.8 ban hành kèm theo Thông tư này)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ)...**

Số:../TTr-UBND

**Mẫu 6.10/TTr-UBND
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 20...
của huyện (quận, thị xã, thành phố)...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)...

Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... trình tỉnh (thành phố)... phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 20... của huyện (quận, thị xã, thành phố)... với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

.....

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất

3.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽⁴⁾	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

3.2. Kế hoạch thu hồi đất năm...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

⁽⁴⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất được xác định theo Phụ lục số 03 của Thông tư này.

3.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

3.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

...

Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố)... kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... phê duyệt./.

Nơi nhận

- Như trên;

-...

-...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mẫu số: 6.11/TTr-BTNMT

**BỘ QUỐC PHÒNG
(BỘ CÔNG AN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) đến năm 20...
và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ đầu (20... - 20...)**

Kính gửi: Chính phủ

Bộ Quốc phòng (Bộ Công an) kính trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ đầu (20... - 20...) với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:*(Nêu các thành phần Hồ sơ theo Điều 4 của Thông tư này)***2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

...

3. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 20... :**3.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽⁵⁾	Hiện trạng năm...		Quy hoạch đến năm...	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

3.2. Diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) giao lại cho địa phương*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Cả thời kỳ...	Các kỳ kế hoạch	
			Kỳ đầu (20... - 20...)	Kỳ cuối (20... - 20...)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)

⁽⁵⁾ Chỉ tiêu sử dụng đất xác định theo Phụ lục số 01 của Thông tư này.

4. Nội dung kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ đầu (20... - 20...)**4.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:***Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm hiện trạng	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(5) = (3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

4.2. Diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) giao lại cho địa phương:*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Bộ Quốc phòng (Bộ Công an) kính trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) đến năm 20... và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ đầu (20... - 20...)/.

Nơi nhận

- Như trên;
- ...

BỘ TRƯỞNG

**BỘ QUỐC PHÒNG
(BỘ CÔNG AN)**

Mẫu số: 6.12/TTr-BTNMT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất
quốc phòng (đất an ninh) kỳ cuối (20... - 20...)**

Kính gửi: Chính phủ

Bộ Quốc phòng (Bộ Công an) kính trình Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ cuối (20... - 20...) với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

(Nêu các thành phần Hồ sơ theo Điều 4 của Thông tư này)

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

...

3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (20... - 20...)

3.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm hiện trạng	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(5) = (3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

3.2. Diện tích đất quốc phòng (đất an ninh) giao lại cho địa phương:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Các năm kế hoạch				
			Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+...	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Bộ Quốc phòng (Bộ Công an) kính trình Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quốc phòng (đất an ninh) kỳ cuối (20... - 20...)/.

Nơi nhận

- Như trên;

- ...

BỘ TRƯỞNG

Xem tiếp Công báo số 719 + 720)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng